

# HIỆN TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP CẢI TIẾN TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ TỈNH SÓC TRĂNG

Nguyễn Ngọc Đệ và Trần Thanh Bé<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*A study was carried out in Soc Trang province from October 2003 to January 2004 to evaluate the current situation of agricultural extension system and propose some possible solutions for future improvement. Results showed that the agricultural extension activities have significant contribution to the agricultural and rural development in the province. However, there are some problems at the grassroot level organization, extension methods, coordination and linkage within extension system and with other related organizations that need to be solved.*

*There is a need to establish the well-organized grassroot system, improve the methodology and institutional issues related to supporting policies, decentralization and regularly well management of local extension activities.*

**Keywords:** *Agricultural Extension, grassroot level, agricultural and rural development, linkage*

**Title:** *Present situation and proposed improvements for agricultural extension system in Soc Trang province*

## TÓM TẮT

*Nghiên cứu này đã được tiến hành tại Sóc Trăng từ tháng 10/2003 đến tháng 1/2004 nhằm đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp cải tiến công tác khuyến nông cho tỉnh. Kết quả cho thấy các hoạt động khuyến nông đã có những đóng góp rất lớn vào công cuộc phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề còn tồn tại trong việc tổ chức mạng lưới khuyến nông cơ sở, phương pháp khuyến nông, công tác điều phối và liên kết ngay trong hệ thống khuyến nông và giữa khuyến nông với các tổ chức khác cần được sớm cải tiến.*

*Thiết lập mạng lưới khuyến nông cơ sở vững mạnh, cải tiến phương pháp và định chế tổ chức, chính sách hỗ trợ, xã hội hoá và quản lý tốt các hoạt động khuyến nông cơ sở sẽ tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh.*

**Từ khóa:** *Khuyến nông, cấp cơ sở, phát triển nông nghiệp nông thôn, liên kết.*

## 1 MỞ ĐẦU

Nghị quyết 15 NQ/TW, ngày 18/3/2002 về “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001-2010”, đã chỉ ra “Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ cho sản xuất, coi đây là khâu đột phá quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, ... thực hiện xã hội hóa để mở rộng hệ thống khuyến nông đến cơ sở”. Thực hiện kế hoạch số 10 của UBND tỉnh Sóc Trăng về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2002-2005, Sở Nông nghiệp-PTNT đã xây dựng đề án “Xây dựng và hoàn thiện tổ chức khuyến

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu và Phát triển Hệ Thống Canh Tác, Trường Đại Học Cần Thơ

nông cơ sở”. Đề án chưa được sự nhất trí cao của các ngành và đơn vị có liên quan. Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp-PTNT, nhóm tư vấn đã tiến hành khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến các đơn vị và cá nhân có liên quan nhằm hỗ trợ cho Sở Nông nghiệp-PTNT hoàn chỉnh đề án và đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm phát triển tổ chức và cải tiến hoạt động của hệ thống khuyến nông cơ sở tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 10/2003 đến tháng 1/2004.

## 2 MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Đề tài nghiên cứu này nhằm mục đích:

- Tìm hiểu hiện trạng công tác khuyến nông của tỉnh.
- Xác định và đề xuất giải pháp khả thi nhằm xây dựng và hoàn thiện mạng lưới tổ chức khuyến nông cơ sở tỉnh Sóc Trăng.

## 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành theo 6 bước:

(a) Nghiên cứu bản thảo đề án của Sở Nông nghiệp-PTNT

(b) Thu thập số liệu thứ cấp

(c) Phòng vấn cán bộ lãnh đạo và quản lý nông nghiệp:

Chi cục BVTV, Chi cục Thú y, Trung Tâm Khuyến nông, Phòng Nông nghiệp-Địa chính huyện Mỹ Xuyên và Thạnh Trị, UBND xã Viên An (Mỹ Xuyên), Lâm Kiết và Long Bình (Thạnh Trị).

(d) Tìm hiểu hoạt động các tổ nhóm nông dân

(i) Huyện Mỹ Xuyên: Xã Viên An: Câu Lạc bộ khuyến nông thanh niên và Câu Lạc bộ khuyến nông phụ nữ ấp Bờ Đập.

(ii) Huyện Thạnh Trị: Thị trấn Phú Lộc: Tổ Phụ Nữ ấp Rẫy mới, xã Lâm Kiết: CLB khuyến nông Kiết Lợi, xã Long Bình: Hợp tác xã NN 26 tháng 12-Tân Trung .

(e) Tìm hiểu tổ chức khuyến nông ở một số tỉnh có phong trào khuyến nông khá như An Giang, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Trà Vinh và một số tỉnh khác.

(f) Tham khảo ý kiến chuyên gia Cục Khuyến nông (KS. Quách Hồng Bé, Phó Cục Trưởng), Các chuyên gia có kinh nghiệm của Đại Học Cần Thơ và các tỉnh.

## 4 HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG TỈNH SÓC TRĂNG

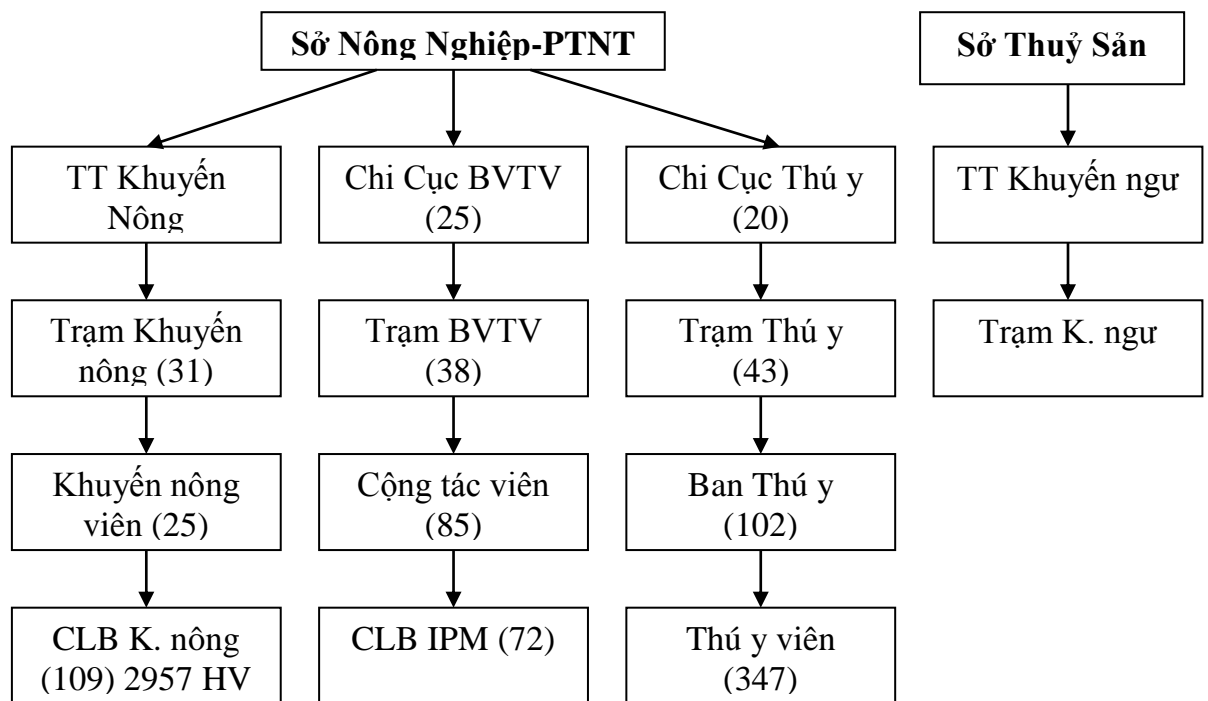
### 4.1 Tổ chức hệ thống khuyến nông

Hệ thống khuyến nông theo nghĩa rộng bao gồm các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật phát triển sản xuất nông, lâm và thủy sản. Tại Sóc Trăng công tác khuyến ngư do Trung Tâm Khuyến ngư trực thuộc Sở Thủy sản phụ trách. Lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi lại trực thuộc Sở Nông nghiệp-PTNT. Hiện tại công tác này do Trung Tâm

khuyến nông, Chi cục Bảo vệ Thực vật và Chi cục Thú y đảm trách. Do đó, hình thành 3 hệ thống hoạt động song song nhau: hệ thống khuyến nông, hệ thống bảo vệ thực vật, hệ thống thú y.

Hệ thống khuyến nông gồm 55 biên chế, trong đó: Trung Tâm Khuyến nông tỉnh có 24 cán bộ công chức; 31 cán bộ kỹ thuật phân bố tại các huyện thị. Ngoài ra, hiện mới có 25 xã có Khuyến nông viên hợp đồng theo thời vụ để thực hiện các chương trình khuyến nông tại các xã, chủ yếu là thực hiện và theo dõi các điểm trình diễn, với mức lương 120000 đồng/tháng trả từ ngân sách tỉnh được phê duyệt hằng năm. Hiện có 109 Câu lạc bộ khuyến nông với 2957 hội viên.

Hệ thống bảo vệ thực vật gồm 63 biên chế, trong đó: Chi cục BVTV tỉnh có 25 cán bộ công chức; 38 cán bộ kỹ thuật phân bố tại các huyện thị. Ngoài ra, hiện có 85 xã có Cộng tác viên hợp đồng theo thời vụ để theo dõi tình hình sâu bệnh, báo cáo hằng tháng cho các Trạm BVTV trực thuộc, với sinh hoạt phí hằng tháng 100000 đồng + 30000 đồng phụ cấp tiền xe và 10000 đồng tiền ăn trong ngày về huyện họp. Kinh phí này cũng chi từ ngân sách tỉnh được phê duyệt hằng năm theo kế hoạch hoạt động của Chi cục. Hiện Chi cục cũng đã tổ chức được 72 Câu lạc bộ IPM ở 72 xã.



**Hình 1: Sơ đồ hệ thống khuyến nông tại Sóc Trăng**

Hệ thống thú y do Chi cục thú y quản lý. Toàn tỉnh hiện có 63 biên chế, trong đó cấp tỉnh 20 người, cấp huyện 43 người. Tất cả 102 xã/phường đều có Ban Thú y, với tổng cộng 347 Thú y viên, trong đó, 20 trung cấp, 161 có trình độ sơ cấp do Chi cục Thú y tổ chức đào tạo phối hợp với Trường Trung học Kỹ thuật Cần Thơ và 166 Kỹ thuật viên do Chi cục đào tạo. Lương và các khoản trợ cấp thường xuyên trích từ các khoản thu kiểm dịch, kiểm tra giết mổ, tiêm phòng .... Tại mỗi xã còn có một tủ thuốc thú y để vừa phục vụ công tác thú y vừa tạo thêm thu nhập

cho cộng tác viên. Do có nguồn thu nên khuyến khích được sự cộng tác nhiệt tình và không phải chi từ ngân sách tỉnh. Mô hình này tỏ ra hữu hiệu và bền vững.

#### 4.2 Hiện trạng công tác khuyến nông tỉnh Sóc Trăng

- Cả 3 đơn vị trực thuộc Sở Nông Nghiệp - PTNT đang thực hiện công tác khuyến nông tại Sóc Trăng là Trung tâm Khuyến nông, Chi cục BVTV và Chi cục Thú y đều có hệ thống tổ chức và lực lượng cán bộ chuyên môn tuyến tỉnh và huyện tương đối tốt có thể đảm đương công tác chuyên môn.
- Tuy nhiên, mạng lưới cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập. Có thể nói, mạng lưới cơ sở của Chi cục Thú y là mạnh nhất, do được đầu tư đào tạo và có cơ chế chính sách đãi ngộ tốt hơn thông qua các hoạt động có thu như tiêm ngừa, kiểm soát giết mổ, tử thuốc thú y,.... Chi cục BVTV đã có mạng lưới cộng tác viên hoạt động đều và tương đối có nề nếp. Mạng lưới khuyến nông cơ sở của TT Khuyến nông còn yếu, rất khó có thể hỗ trợ kịp thời và hiệu quả các Câu lạc bộ nông dân.
- Hơn nữa, các đơn vị này hoạt động gần như độc lập nhau, chưa có sự phối hợp đồng bộ và rõ nét. Sự phối hợp dường như cũng khó thực hiện vì ngoài nhiệm vụ hỗ trợ sản xuất theo chuyên ngành, 2 Chi cục còn có chức năng quản lý nhà nước về dịch bệnh thú y và bảo vệ thực vật riêng.
- Tỉnh đã xây dựng được một mạng lưới câu lạc bộ (CLB) nông dân khá mạnh (109 CLB khuyến nông, 72 CLB IPM). Nếu mạng lưới này được tổ chức quản lý tốt, đây sẽ là cánh tay rất đắc lực và hiệu quả để triển khai tốt các chương trình thử nghiệm các mô hình, các kỹ thuật tiên bộ và nhân rộng mô hình này tại địa phương.
- Sự gắn kết giữa KNV cơ sở với các tổ nhóm nông dân không thường xuyên và thiếu chặt chẽ, chỉ trừ khi có dịch bệnh hoặc có mô hình trình diễn.
- Để hoạt động khuyến nông có hiệu quả hơn, cần chú ý xây dựng mạng lưới khuyến nông cơ sở cho TT Khuyến nông gắn kết chặt chẽ và thường xuyên với các tổ nhóm nông dân, câu lạc bộ khuyến nông hoặc hợp tác xã nông nghiệp.

#### 4.3 Những khó khăn trở ngại của mạng lưới khuyến nông cơ sở

Thiếu cầu nối từ Trạm Khuyến nông huyện đến các CLB nông dân, do

- Lực lượng KNV cơ sở còn quá mỏng lại không thường xuyên, chỉ khi nào có nhu cầu xây dựng điểm trình diễn hoặc mở lớp tập huấn thì mới ký hợp đồng.
- Kinh phí hoạt động hạn chế, hiện chỉ hợp đồng KNV cơ sở theo thời vụ, với mức bồi dưỡng 120.000 đ/tháng không khuyến khích được nhiệt tình và tính năng động của họ.
- Nội dung hoạt động khá đơn giản là theo dõi các điểm trình diễn, tổ chức các lớp tập huấn và phản ảnh tình hình sản xuất.

Khó duy trì hoạt động đều đặn của các CLB, do:

- Thiếu kinh phí sinh hoạt: trong giai đoạn 1993-2001, mỗi CLB được hỗ trợ 500.000 đ khi thành lập và 100.000 đ/tháng phí sinh hoạt trong 1 năm đầu. Hiện nay, mức hỗ trợ này đã bị cắt giảm.

- Thiếu nội dung và hình thức phong phú, sinh động và hấp dẫn nên không thu hút lôi cuốn nông dân.

## 5 KINH NGHIỆM TỪ CÁC TỈNH BẠN

### 5.1 An Giang

An Giang hiện có 287 KNV cơ sở có trình độ từ cấp 3 đến đại học có mặt ở tất cả các xã phường. Lương và phụ cấp theo chế độ công chức do Trung Tâm Khuyến nông chi trả từ ngân sách được cấp hằng năm. Mức **lương hợp đồng được tính theo bằng cấp** với hệ số lương cụ thể là 1,78 (Đại học), 1,46 (Trung cấp) và 1,22 (Phổ thông). Chức năng nhiệm vụ các KNV khá đa dạng, bao gồm việc tuyên truyền chủ trương chính sách nông nghiệp nông thôn; tổ chức tập huấn, phổ biến thông tin về dịch bệnh và tiến bộ kỹ thuật mới; xây dựng và quản lý mạng lưới cộng tác viên, các tổ nhóm, Câu Lạc Bộ, Hợp tác xã; thực hiện các điểm trình diễn về giống cây con, mô hình canh tác mới; tổ chức tham quan cho nông dân,...

Hoạt động của lực lượng KNV gắn với mạng lưới hơn 2000 tổ nhóm, Câu lạc bộ và 122 Hợp tác xã nông nghiệp. Điểm đặc biệt ở An Giang là **có sự hợp nhất giữa khuyến nông, bảo vệ thực vật và thú y ở cấp xã**, trực thuộc Trạm Khuyến nông huyện.

### 5.2 Cần Thơ

Cần Thơ có **mạng lưới khuyến nông cơ sở khá rộng khắp** 116/131 xã phường (chiếm 88% tổng số xã phường và 100% số xã phường nông nghiệp) với 138 khuyến nông viên có trình độ từ cấp 2 đến đại học. Các khuyến nông viên (KNV) hưởng lương hợp đồng từ ngân sách tỉnh theo phương thức Trung Tâm Khuyến nông tỉnh cấp kinh phí cho Trạm Khuyến nông huyện để trả lương và quyết toán với Trung Tâm Khuyến nông. Mức **lương hợp đồng được tính theo bằng cấp** với hệ số lương cụ thể là 1,78 (Đại học), 1,46 (Trung cấp) và 1,22 (Phổ thông). Ngoài ra, hằng tháng mỗi KNV được phụ cấp 40.000 đ để đi họp ở huyện. Trạm Khuyến nông huyện sẽ quản lý trực tiếp mạng lưới KNV cơ sở trong địa bàn. Chức năng nhiệm vụ các KNV khá đa dạng, bao gồm việc tuyên truyền chủ trương chính sách nông nghiệp nông thôn; tổ chức tập huấn, phổ biến thông tin về dịch bệnh và tiến bộ kỹ thuật mới; xây dựng và quản lý mạng lưới cộng tác viên, các tổ nhóm, Câu Lạc Bộ, Hợp tác xã; thực hiện các điểm trình diễn về giống cây con, mô hình canh tác mới; tổ chức tham quan cho nông dân,...

Bên dưới là **mạng lưới tổ chức nông dân hợp tác đông đảo nhất** trong số các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, với 5.077 tổ nhóm nông dân (138.796 thành viên), 348 Câu lạc bộ (6.341 thành viên) và 120 hợp tác xã nông nghiệp (6259 xã viên) (số liệu của Trung Tâm Khuyến nông Cần Thơ, 2003).

### 5.3 Kiên Giang

Kiên Giang đã tổ chức được mạng lưới khuyến nông cơ sở với 94 KNV có trình độ đại học và trung cấp và 145 câu lạc bộ. Các KNV được hưởng **lương và phụ cấp ưu đãi** tùy theo bằng cấp và địa bàn phục vụ. Cụ thể, nếu KNV có trình độ đại học công tác tại thị xã, thị trấn lương khoán 600.000 đ/tháng, tại xã 800.000 đ/tháng, tại các vùng sâu, hải đảo 1.000.000 đ/tháng; Trung cấp công tác tại thị xã, thị trấn

lương khoán 400.000 đ/tháng, tại xã 600.000 đ/tháng, tại các vùng sâu, hải đảo 800.000 đ/tháng.

#### 5.4 Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức khuyến nông tại thành phố Hồ Chí Minh cũng tương tự như các tỉnh với 7 trạm khuyến nông, 3 trạm huấn luyện và mỗi xã nông nghiệp có 1 KNV cơ sở (121 KNV) và 110 Câu Lạc Bộ Khuyến nông. Các KNV cơ sở hưởng định suất 290.000 đ/tháng. Thế mạnh của mạng lưới khuyến nông thành phố HCM là **hoạt động thông tin và xúc tiến thương mại** dưới hình thức chợ giống lúa (Củ Chi), chợ giống (Hóc Môn), chợ rau an toàn (Hóc Môn), chợ tôm (Cần Giò), chợ bò sữa (Hóc môn),... Các chợ này được tổ chức khá thường xuyên (ít nhất 2 lần/năm). Ngoài ra, cứ 6 tháng 1 lần Trung Tâm Khuyến nông còn tổ chức tọa đàm “4 NHÀ”.

#### 5.5 Vĩnh Long

Tim hiểu tại huyện Bình Minh, Vĩnh Long, chúng tôi thấy có hình thức **đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở khá độc đáo**. Xã chọn con em tốt nghiệp phổ thông cử đi đào tạo đại học tại chức, sử dụng ngân sách địa phương tài trợ toàn bộ học phí, cấp học bổng theo định mức 150.000 đ/người/tháng. Sau khi tốt nghiệp trở về phục vụ địa phương trong thời gian bắt buộc tùy nhu cầu của xã, theo chế độ hợp đồng, lương được trả từ ngân sách của xã huyện. Mọi chính sách chế độ được hưởng như cán bộ công chức khác. Những cán bộ có năng lực, nhiệt tình và đạo đức tốt dần dần sẽ được bổ sung vào biên chế và đào tạo bồi dưỡng tiếp tục lên cấp cao hơn. Nhờ áp dụng chính sách này mà hiện nay huyện đã có hơn 10 cán bộ có trình độ đại học công tác tại xã trong nhiều lãnh vực khác nhau phục vụ cho công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và phát triển kinh tế nông thôn. Đây là các bài học kinh nghiệm rất quý cho việc nghiên cứu hoàn thiện tổ chức khuyến nông cơ sở tại Sóc Trăng.

### 6 CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

#### 6.1 Tăng cường hợp tác và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ

Nên xem công tác khuyến nông là công tác chung của toàn ngành nông nghiệp, chứ không phải chỉ riêng Trung Tâm Khuyến Nông. Do đó, cần có sự kết hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau, giữa tất cả các đơn vị trực thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh, đặc biệt là giữa Trung Tâm Khuyến Nông (TTKN), Chi Cục Bảo vệ Thực vật (BVTV), Chi Cục Thú y (CCTY) và các Phòng Nông nghiệp huyện (PNN). Để phát huy cao nhất hiệu quả công tác này cần có sự chỉ đạo thống nhất và đồng bộ của Ban Giám Đốc Sở Nông Nghiệp - PTNT. Trong đó, Trung Tâm Khuyến nông đóng vai trò chính trong việc nghiên cứu ứng dụng, lựa chọn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật cho người dân, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông. Chi cục BVTV và Chi cục Thú y, ngoài chức năng nhiệm vụ của ngành cần phối hợp và hỗ trợ TTKN trong công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật có liên quan đến ngành mình. Ngược lại, khi có dịch bệnh hoặc mở chiến dịch chuyên ngành quy mô lớn, Chi Cục BVTV và Chi Cục Thú Y có thể sử dụng lực lượng khuyến nông để hỗ trợ.

## 6.2 Củng cố và xây dựng mạng lưới khuyến nông viên cơ sở

### 6.2.1 Mục tiêu

- Phát triển đội ngũ KNV cơ sở tại các xã phường tăng cường hệ thống khuyến nông đủ mạnh từ tỉnh đến cơ sở bảo đảm hoạt động thường xuyên và có hiệu quả. Tạo cầu nối liên kết chặt chẽ giữa các nhà nghiên cứu, chỉ đạo sản xuất, doanh nghiệp và nông dân.
- Thực hiện và quản lý tốt các chương trình khuyến nông, đưa nhanh tiến bộ KHKT, thông tin thị trường, tiêu thụ nông sản để giúp nông dân định hướng và phát triển sản xuất một cách có hiệu quả.

### 6.2.2 Nhân sự

Nguồn: Sử dụng người tại chỗ:

- Chọn nông dân giỏi có trình độ từ cấp 2 trở lên, đào tạo ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ sử dụng ngay.
- Cử cán bộ kỹ thuật huyện chỉ đạo địa bàn trong thời gian nhất định
- Tuyển dụng người tại địa phương hoặc chấp nhận công tác tại địa phương, nhiệt tình hoạt động công tác khuyến nông, có trình độ Đại học, cao đẳng, trung cấp ngành trồng trọt, nông học, chăn nuôi, thú y, lâm nghiệp,...
- Chọn và cử tuyển các học sinh tốt nghiệp phổ thông (theo mô hình Vĩnh Long)
- Mỗi xã 01 người song song với mạng lưới BVTV và Thú y.

### 6.2.3 Đào tạo

Ngắn hạn: nâng cấp bằng hình thức tập huấn chuyên ngành. Trung Tâm Khuyến nông, Chi Cục BVTV, Chi Cục Thú Y có thể đảm trách việc này.

Dài hạn: liên kết với Trung Tâm Giáo Dục thường xuyên hoặc các trường trung học nông nghiệp, Đại học Cần Thơ đào tạo có bằng cấp cho KNV để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

### 6.2.4 Chức năng

- Là cầu nối giữa nông dân và nông dân, giữa nông dân và trạm khuyến nông huyện thị.
- Là người trực tiếp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến tận tay người dân, phản ánh ý kiến và nhu cầu của nông dân đến cơ quan quản lý cấp trên.
- Tư vấn cho hộ và nhóm nông dân lập phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

### 6.2.5 Nhiệm vụ

Tổ chức, xây dựng và thực hiện các chương trình khuyến nông phục vụ cho công cuộc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có hiệu quả, như:

- Xây dựng các điểm trình diễn kỹ thuật và mô hình canh tác mới
- Tổ chức tập huấn cho nông dân
- Tổ chức hội thảo
- Thông tin tuyên truyền, tư vấn
- Dự báo và hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tại địa phương

- Tham gia công tác quản lý nông nghiệp và tham mưu cho chính quyền địa phương chỉ đạo phát triển sản xuất và kinh tế.
- Nắm tình hình sản xuất nông nghiệp trong địa bàn và phản ảnh với trạm khuyến nông và phòng nông nghiệp huyện
- Vận động tổ chức và quản lý các CLB nông dân và HTX nông nghiệp phối hợp với các đơn vị có liên quan
- Làm dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp và tư vấn kỹ thuật cho nông dân

### 6.3 Chính sách chế độ

- Được hưởng lương từ ngân sách Nhà Nước như cán bộ công chức: Đại học: hệ số 1,78; Trung cấp: hệ số 1, 46; Tốt nghiệp cấp III: 1,22. Ngoài ra, KNV còn được hưởng thù lao tập huấn và khoán việc theo quy định, được hưởng chế độ chính sách theo quy định Nhà nước.
- Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Kinh phí phụ cấp cho KNV cơ sở lấy từ ngân sách hằng năm của tỉnh, huyện, xã; từ các chương trình dự án khuyến nông thực hiện trên địa bàn và các nguồn hỗ trợ khác.

### 6.4 Cũng cố hoạt động, hỗ trợ và quản lý các tổ chức nông dân

Tiếp tục hỗ trợ các CLB, HTX Nông nghiệp:

- Tiếp tục chính sách hỗ trợ các CLB mới thành lập 300.000 – 500.000 đ/lần
- Hỗ trợ phí sinh hoạt hội họp thường kỳ hằng tháng để duy trì hoạt động tùy theo số lượng thành viên (Tp. HCM 1000 đ/người/lần).
- Phát huy tính tự lực tài chính của các tổ chức nông dân bằng cách khuyến khích và tư vấn cho các CLB, HTX đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ có thu (cây con giống, làm đất, bơm nước, suốt lúa) và thực hành hoạt động tín dụng tiết kiệm (kinh nghiệm Hội Phụ Nữ).
- Nâng cao năng lực cho nông dân không chỉ về khía cạnh kỹ thuật mà cả về tổ chức quản lý và tiếp thị, thông qua tập huấn, điểm trình diễn, giao lưu, tham quan học tập, tọa đàm xúc tiến thương mại.
- Tư vấn hỗ trợ các CLB, HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xúc tiến thương mại.
- Cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật, chủ trương chính sách, pháp luật và thị trường. Thành lập tủ sách tại các CLB và nghiên cứu phát triển mô hình “Trạm thông tin thị trường xã Viên An”.

Đa dạng hóa hoạt động các CLB, HTX:

- Lồng ghép nhiều chương trình dự án, kết hợp sản xuất, dịch vụ và thị trường, tạo dần mối quan hệ “4 NHÀ” ngày càng tốt hơn. Ngoài các hoạt động tập huấn kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn, việc tổ chức tham quan học tập và các hình thức xúc tiến thương mại (chợ giống, chợ rau an toàn, tọa đàm 4 nhà,...) rất hữu ích và thiết thực cần nghiên cứu vận dụng tại Sóc Trăng.
- Cần có sự phối hợp giữa các hoạt động của hệ thống khuyến nông với các chương trình dự án của các tổ chức đoàn thể như Phụ nữ, Nông dân, Ban Dân



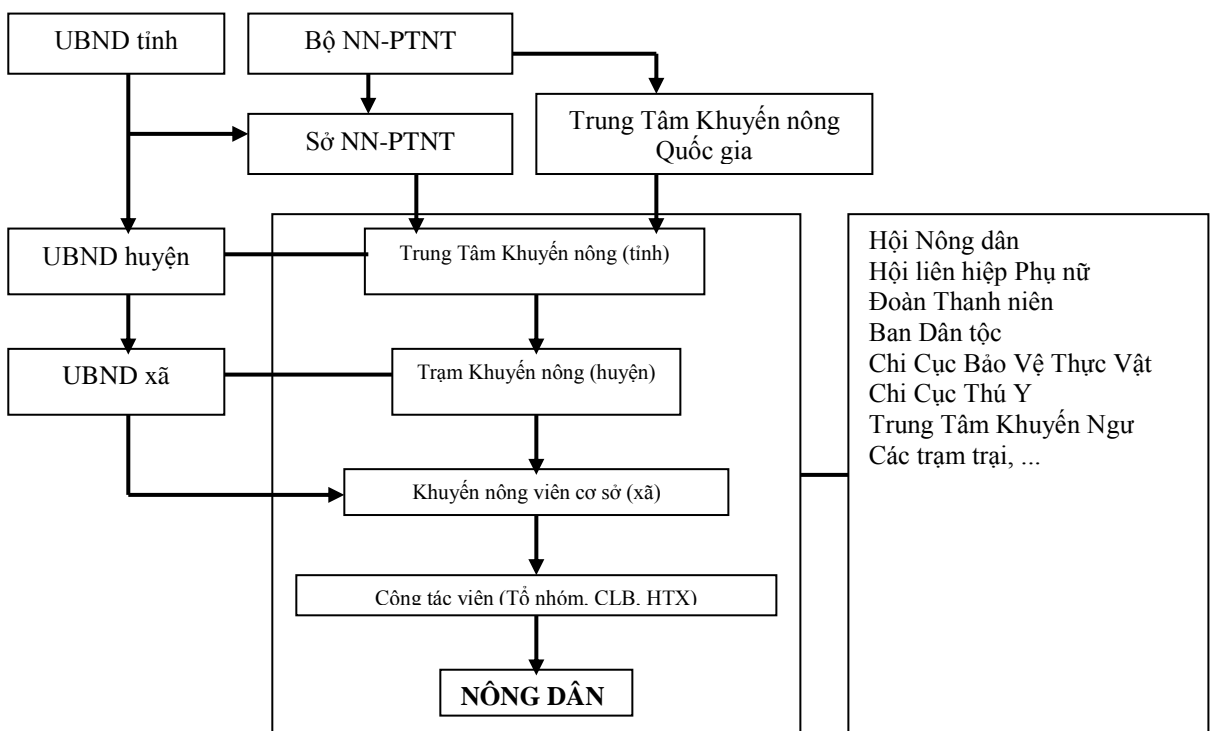
tộc, Cựu chiến binh, Thanh niên,... để hỗ trợ lẫn nhau, phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động.

Gắn chặt các CLB, HTX NN với KNV cơ sở trong việc triển khai thực hiện các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và sinh hoạt định kỳ.

### 6.5 Cải tiến công tác tổ chức quản lý hệ thống khuyến nông

#### 6.5.1 Sơ đồ tổ chức quản lý

Khuyến nông viên cơ sở phụ trách xã, do Trạm khuyến nông (Phòng Nông nghiệp) huyện trực tiếp chỉ đạo và quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ (Hình 1). UBND xã quản lý về mặt Nhà nước KNV cơ sở (Báo cáo số 2027/BNN-KNKL). Khuyến nông viên xây dựng, tổ chức và gắn chặt với mạng lưới **cộng tác viên nông dân**, chọn từ các nông dân giỏi, nhiệt tình, năng nổ, tại các tổ nhóm, câu lạc bộ hoặc hợp tác xã nông nghiệp.



**Hình 2: Sơ đồ hệ thống khuyến nông cải tiến với việc tăng cường củng cố cơ sở và phát triển các mối liên kết tại Sóc Trăng** (Chỉ đạo: → Phối hợp: —)

#### 6.5.2 Chế độ báo cáo, hội họp

- Khuyến nông viên cơ sở tham dự họp hằng tháng tại các CLB, HTX để nắm bắt tình hình sản xuất và phản ánh của nông dân.
- Hằng tháng, quý, năm KNV phải báo cáo tình hình sản xuất và kết quả hoạt động khuyến nông tại địa bàn mình phụ trách cho UBND xã phường và trạm khuyến nông huyện.
- Họp toàn huyện mỗi quý một lần để đánh giá hoạt động trong tháng và thảo luận kế hoạch tháng sau.

- Họp cấp tỉnh mỗi năm 2 lần để đánh giá hoạt động và thảo luận kế hoạch hoạt động mỗi 6 tháng và cả năm.

## 7 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Công tác khuyến nông đã có những đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh. Lực lượng cán bộ làm công tác khuyến nông tuyến tỉnh và huyện khá mạnh. Tuy nhiên:

- Hệ thống khuyến nông hiện tại còn rất yếu ở tuyến cơ sở, thiếu về lượng và yếu về chất;
- Hoạt động khuyến nông thường chỉ dựa vào các chương trình dự án từ trên đưa xuống chứ chưa thật sự bắt nguồn từ nhu cầu và đề xuất từ cơ sở, địa phương, nên các hoạt động khuyến nông thường chỉ dừng lại ở giai đoạn chuyển giao (điểm trình diễn, xây dựng mô hình, thí điểm...). Việc ứng dụng và nhân rộng kết quả bị giới hạn;
- Sự phối hợp trong công tác giữa Trung Tâm Khuyến Nông với các đơn vị và tổ chức có liên quan (Chi Cục Bảo Vệ Thực Vật, Chi Cục Thú Y, Trung Tâm Khuyến Ngư, các trạm trại, Hội Nông dân, Phụ nữ, Thanh niên, Ban Dân tộc,...) hoạt động trên cùng địa bàn chưa tốt, làm hạn chế hiệu quả và chông chéo trong công tác khuyến nông tại địa bàn;
- Sự gắn kết và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và hệ thống khuyến nông cho các tổ chức nông dân cơ sở (Hợp tác xã, Câu lạc bộ, tổ, nhóm,...) thiếu hiệu quả, dẫn đến hiện tượng các tổ chức nông dân được thành lập có hình thức và hoạt động cầm chừng.

Nhanh chóng kiện toàn bộ máy khuyến nông cơ sở, có quy chế hoạt động và phân cấp quản lý cụ thể sẽ tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Khuyến Nông và Khuyến Lâm, 1998. Tài liệu Hội thảo quốc gia về khuyến nông và khuyến lâm, Hà Nội, 18-20 tháng 11 năm 1997. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.
- Trung Tâm Khuyến Nông Sóc Trăng, 2002. Báo cáo tổng kết công tác khuyến nông tỉnh Sóc Trăng.
- Nghị Định 13/1993/NĐ-CP, 1993. Nghị Định của Chính Phủ về khuyến nông, khuyến Ngư
- Nghị Định 56/2005/NĐ-CP, 1993. Nghị Định của Chính Phủ về khuyến nông, khuyến Ngư